TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1004/2019/QĐST-HNGĐ	*Thuận An, ngày 22 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1390/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2019 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông VMT, sinh năm 1978; thường trú: 414/1/9 ĐBP, phường 11, Quận 10, Thành phố HCM; tạm trú: 359B/1 khu phố 1B, phường AP, thị xã TA, tỉnh BD

Bà QTMD, sinh năm 1985; thường trú: 414/1/9 ĐBP, phường 11, Quận 10, Thành phố HCM; tạm trú: khu phố 1B, phường AP, thị xã TA, tỉnh BD.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông VMT và bà QTMD kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian chung sống hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng trong cuộc sống dẫn đến hôn nhân không hòa hợp, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống không có hạnh phúc. Cuộc sống vợ chồng trở nên ngày càng căng thẳng, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng không thể hòa giải được. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông T và bà D yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Trong quá trình chung sống ông T và bà D có 02 con chung tên VMT, sinh ngày 24/12/2008 và VTN, sinh ngày 30/9/2011. ông T và bà D thống nhất sau khi ly hôn, bà QTMD trực tiếp nuôi con chung VTN, sinh ngày 30/9/2011, ông VMTtrực tiếp nuôi con chung VMT, sinh ngày 24/12/2008, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Ông T và bà D thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ông T và bà D là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con sau khi ly hôn, thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành tại Trung tâm hòa giải đối thoại Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông VMT và bà QTMD.

- Về con chung: Ông T và bà D có 02 con chung tên VMT, sinh ngày 24/12/2008 và VTN, sinh ngày 30/9/2011. Ông T và bà D thống nhất sau khi ly hôn, bà QTMD trực tiếp nuôi con chung VTN, sinh ngày 30/9/2011, ông VMT trực tiếp nuôi con chung VMT, sinh ngày 24/12/2008, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông VMT và bà QTMD chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0036174 ngày 10/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- Phòng Tư pháp thị xã Thuận An;
- UBND phường 10, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh (GCN ĐKKH số 49 ngày 07/6/2008);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Nhâm